**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.000903.000.00.00.H56

**Số quyết định:** 592/QĐ-UBND

**Tên thủ tục:** Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)

**Cấp thực hiện:** Cấp Huyện

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Văn hóa

**Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke tới cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được phân cấp có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện theo phân cấp của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các điều kiện theo quy định và cấp Giấy phép (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 05 Ngày làm việc | Phí : 2.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/giấy;)  Phí : 3.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 4.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 6.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 6.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 12.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| Trực tuyến | 05 Ngày làm việc | Phí : 4.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 2.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/giấy;)  Phí : 3.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 6.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 6.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 12.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần) |
| Dịch vụ bưu chính | 05 Ngày làm việc | Phí : 2.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/giấy;)  Phí : 3.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 4.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 6.000.000 Đồng (Tại các khu vực khác: Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 6.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.)  Phí : 12.000.000 Đồng (Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |

**Thành phần hồ sơ:**

**Bao gồm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019) | MS 01.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Phòng Văn hóa thông tin

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp Huyện

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân vàỦy ban nhân dân cấp huyện; - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần)

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 54/2019/NĐ-CP | Nghị định 54/2019/NĐ-CP | 19-06-2019 | Chính phủ |
| 03/2019/QĐ-UBND | Quyết định 03/2019/QĐ-UBND | 30-01-2019 |  |
| 01/2021/TT-BTC | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường | 07-01-2021 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính khi kinh doanh dịch vụ karaoke:
(1) Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;
(2) Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
(3) Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20m2 trở lên, không kể
công trình phụ;
(4) Không được đặt chốt cửa bên trong phòng hát hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).
Trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke phải tuân theo các quy định sau đây:
(1) Chỉ sử dụng các bài hát được phép phổ biến, lưu hành.
(2) Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.
(3) Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
(4) Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
(5) Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.
(6) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke phải phải tuân theo các quy định sau đây:
Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke có trách nhiệm:
(1) Bảo đảm hình ảnh phù hợp lời bài hát thể hiện trên màn hình
(hoặc hình thức tương tự) và văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.
(2) Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 08 giờ sáng

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin